

QUỐC TẾ HOÁ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC - KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

 LÊ THỊ THU TRANG*

Ngày nhận: 11/9/2021
Ngày phản biện: 15/10/2021
Ngày duyệt đăng: 02/11/2021

Tóm tắt: Quốc tế hoá giáo dục đại học được xem là một xu hướng phát triển tất yếu của nền giáo dục quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng ở tất cả các lĩnh vực. Quốc tế hoá giáo dục đại học mang đến trải nghiệm học tập toàn cầu, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, nhằm tạo ra thế hệ công dân quốc tế. Tổng hợp những kinh nghiệm từ các quốc gia có nền giáo dục đại học phát triển tại Châu Á là bài học quý báu cho Việt Nam trong tiến trình quốc tế hoá giáo dục đại học.

Từ khoá: Quốc tế hoá giáo dục đại học; toàn cầu hoá; kinh nghiệm quốc tế; bài học cho Việt Nam.

INTERNATIONALISING HIGHER EDUCATION - EXPERIENCE OF SOME ASIAN COUNTRIES AND LESSONS FOR VIETNAM

Abstract: Internationalising higher education is considered an inevitable development trend of national education, especially in the context of globalization and international integration deepening in all fields. Internationalising higher education offers a global learning experience, contributing to improving the quality of education and create a generation of international citizens. Valuable lessons for Vietnam in the process of internationalising higher education are experiences from countries with developed higher education in Asia.

Keywords: Internationalising higher education; globalization; international experience; lessons for Vietnam.

1. Quan điểm quốc tế hoá giáo dục đại học

1.1. Khái niệm

Quốc tế hoá giáo dục đại học trong bối cảnh toàn cầu hoá là sự quan tâm và tranh luận mạnh mẽ nhất về quốc tế hoá trong những thập kỷ gần đây.

Khái niệm toàn cầu hoá được hiểu là sự tăng cường tương tác xã hội và kết nối giữa con người trên toàn thế giới, tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, văn hoá, chính trị, môi trường, khoa học và công nghệ. Quốc tế hoá giáo dục được định nghĩa là quá trình tích hợp ở khía cạnh quốc tế, liên vùng văn hoá hoặc toàn cầu vào mục đích, chức năng hoặc cung cấp giáo dục khác nhau (Knight, 2004).

Quốc tế hoá giáo dục đại học được thể hiện rõ nét nhất so với các cấp giáo dục khác trong hệ thống giáo dục vì cấp giáo dục này ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc phát triển kinh tế quốc gia. Quốc tế hoá giáo dục đại học là một quá trình tích hợp khía cạnh quốc tế/liên văn hoá vào các chức năng giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ của tổ chức đào tạo (Knight, 2008). Như vậy, quốc tế hoá giáo dục đại học vừa là một phản ứng đối với toàn cầu hoá cũng như là một

tác nhân của toàn cầu hoá. Quốc tế hoá đang thay đổi giáo dục đại học và toàn cầu hoá đang thúc đẩy quá trình quốc tế hoá.

1.2. Nội dung quốc tế hoá giáo dục đại học

Nội dung quan trọng nhất của quốc tế hoá giáo dục đại học bao gồm: [4]

Thứ nhất: Nâng cao chất lượng đào tạo

Mỗi quốc gia, cơ sở đào tạo cần từng bước thực hiện quốc tế hóa giáo dục đại học với mục tiêu chú trọng vào chất lượng đào tạo. Điều này được xác định qua những tiêu chí, chỉ số của kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn khu vực hoặc quốc tế. Làm tốt từng khâu trong đào tạo, nghiên cứu gắn với chỉ số và tiêu chí trong bảng xếp hạng kiểm định sẽ đưa chất lượng đào tạo của các trường đại học ngày càng phát triển. Để thực hiện được mục tiêu chung là nâng cao chất lượng đào tạo thì mỗi cơ sở giáo dục đại học, mỗi quốc gia cần thực hiện các giải pháp đồng bộ về chính sách, tổ chức, đào tạo, tài chính...

* Trường Đại học Công đoàn

Thứ hai: Tính di động của sinh viên và khả năng trao đổi về đào tạo liên quốc gia. Quốc tế hoá giáo dục đại học thể hiện qua số lượng sinh viên quốc tế mà quốc gia đó thu hút được cũng như số lượng sinh viên các cơ sở đào tạo gửi ra nước ngoài.

Thứ ba: Tính di động của giảng viên, khía cạnh quốc tế trong chương trình đào tạo, các dự án phát triển quốc tế và các chương trình liên kết học thuật, các chương trình hợp tác cùng nghiên cứu và các công bố quốc tế. Năng lực nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế được coi là thước đo quan trọng cho sự phát triển của một cơ sở giáo dục đại học và một nền giáo dục đại học quốc gia. Số thỏa thuận hợp tác với các trường đại học nước ngoài nhằm thiết lập mạng lưới quan hệ hợp tác quốc tế về chuyển giao nghiên cứu phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Quốc tế hoá giáo dục đại học còn thể hiện qua việc tăng số lượng chương trình dành cho sinh viên quốc tế và số lượng chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh.

Thứ tư: Phát triển các chương trình liên kết, thành lập các trường chi nhánh, xuất/nhập khẩu các chương trình đào tạo, các hoạt động ngoại khoá cho sinh viên quốc tế. Quốc tế hoá giáo dục đại học thể hiện qua xu hướng ngày càng tăng số sinh viên theo học các chương trình có tính quốc tế hoặc được thiết kế theo chuẩn quốc tế. Ngoài ra, có những cơ sở đào tạo đưa vào chương trình chính các môn học trực tuyến của đối tác nước ngoài nhằm tăng tính quốc tế về nội dung giảng dạy, chất lượng giảng viên, và kích thích năng lực tự học của sinh viên. Cùng với các chương trình đào tạo liên kết, chất lượng cao, tiên tiến thì kiểm định quốc tế cũng là một khía cạnh hội nhập quốc tế đang được nhiều cơ sở đào tạo chú trọng thực hiện. Để đảm bảo giáo dục toàn diện cho sinh viên thì việc quan tâm đến các hoạt động ngoại khoá, khởi nghiệp, sáng tạo cũng là nội dung quan trọng trong tiến trình quốc tế hoá giáo dục đại học.

Như vậy, quốc tế hóa giáo dục đại học là xu thế phát triển chung của các trường đại học trên thế giới và Việt Nam. Tại Việt Nam, điều này được thể hiện trong các văn bản của Đảng và Chính phủ về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo Việt Nam. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, Văn kiện Đại hội Đảng XIII: *phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế* [2]. Đây là điểm mới của Văn kiện Đại hội Đảng XIII khi trực tiếp đề cập đến giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Do vậy,

các trường ĐH cần chủ động tiến trình quốc tế hoá để đảm bảo rằng sinh viên của mình được chuẩn bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ, từ đó sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động toàn cầu ngày càng trở nên cạnh tranh và có ít ranh giới hơn. Quốc tế hóa giáo dục đại học Việt Nam nhằm tạo ra nguồn nhân lực có kỹ năng và khả năng đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng và hội nhập quốc tế, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của hệ thống giáo dục Việt Nam.

Những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc tới giáo dục đại học thông qua hàng loạt các chương trình, dự án và đề án nhằm phát triển nguồn nhân lực, khuyến khích hợp tác quốc tế về giáo dục, triển khai dạy và học ngoại ngữ. Tuy vậy, tác động tích cực từ các chương trình trên chưa thực sự mạnh mẽ dẫn đến sự hạn chế trong việc tăng cường di chuyển của sinh viên, giảng viên và các nhà nghiên cứu giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Quá trình quốc tế hoá chương trình đào tạo, phát triển chi nhánh giáo dục quốc tế tại Việt Nam, tham gia kiểm định và xếp hạng đại học theo chuẩn khu vực và quốc tế, hội nhập quốc tế trong nghiên cứu khoa học còn diễn ra chậm. Mặc dù Nhà nước đã có nhiều nỗ lực thúc đẩy hoạt động quốc tế hoá các cơ sở giáo dục đại học nhưng tính tự chủ của các cơ sở này vẫn còn hạn chế và từ đó ràng buộc về thể chế và nguồn lực kèm theo các hạn chế tự thân từ các cơ sở giáo dục đại học đã làm cho quá trình quốc tế hoá của các cơ sở này diễn ra không như kỳ vọng và chậm đổi mới quốc tế hoá so với trào lưu chung của quá trình hội nhập. Do vậy, việc nghiên cứu tổng kết và phân tích kinh nghiệm quốc tế hoá giáo dục đại học của một số quốc gia cùng khu vực Châu Á là vô cùng cần thiết.

2. Kinh nghiệm quốc tế

Quốc tế hoá giáo dục đại học là vấn đề được các quốc gia trong khu vực Châu Á rất quan tâm. Nhiều quốc gia Châu Á trong các thập kỷ qua đã trải qua quá trình mở rộng giáo dục đại học trọng yếu, và đang trên đà tạo ra các trường đại học đẳng cấp quốc tế, điển hình như Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore. Các dịch vụ thương mại hoá, quốc tế hoá giáo dục đại học, như mở rộng cơ sở chi nhánh quốc tế, tham gia và các tổ chức nghề nghiệp quốc tế, hợp tác nghiên cứu quốc tế, trao đổi sinh viên... đang được phát triển mạnh mẽ tại các quốc gia này.

2.1. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Là một trong các quốc gia có nhiều thành tựu trong giáo dục nhất tại khu vực Châu Á, giáo dục đại học Nhật Bản đã phát triển mạnh từ rất sớm. Từ

năm 2014, chính phủ của thủ tướng Shinzo Abe chính thức thúc đẩy xu hướng quốc tế hoá giáo dục đại học, với mục tiêu tăng số sinh viên Nhật du học nước ngoài đồng thời thu hút 300.000 sinh viên quốc tế ghi danh vào các trường đại học Nhật Bản vào năm 2020. Theo số liệu thống kê mới nhất của JASSO (Japan Student Services Organization) là pháp nhân hành chính độc lập, trực thuộc Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT), số lượng sinh viên quốc tế du học tại Nhật Bản năm 2020 đã đạt đến trên 310.000 sinh viên.

Tổng kết những kinh nghiệm sau đây của Nhật Bản trong tiến trình quốc tế hoá giáo dục đại học: [1], [4], [7].

Một là: nâng cao chất lượng đào tạo.

Chất lượng đào tạo của các trường đại học Nhật Bản gia tăng cùng với mức độ đa dạng hóa các trường đại học và sự quan tâm của Chính phủ Nhật Bản đến cấp giáo dục này.

Giáo dục đại học Nhật Bản ngay từ sau thế chiến thứ 2 (1945) đã phát triển các xu thế dân chủ hóa, mở rộng quy mô, tiếp nhận mô hình đại học Mỹ, thành lập nhiều trường đại học địa phương, đại học tư và cao đẳng đào tạo ngắn hạn. Năm 2020 Nhật Bản có 780 trường đại học, trong đó 86 trường quốc lập, 90 trường địa phương, 604 trường tư, như vậy trường đại học tư tại Nhật Bản chiếm tới trên 75%. Quy định về điều kiện thành lập trường rất chi tiết: Phải đủ giáo viên, đủ phòng học theo chỉ tiêu. Các điều kiện này đảm bảo mặt bằng chung giữa các trường đại học tư và trường đại học công. Vai trò của các trường tư cũng rất quan trọng để tạo ra một xã hội dân chủ, phát triển toàn diện đồng thời cũng là đối chứng để đánh giá hiệu quả hoạt động của trường công, tạo ra sự cạnh tranh, kích thích để phát triển.

Phương châm của chính phủ là miễn học phí đối với học sinh. Từ trước đến nay Nhật Bản đã miễn học phí hoàn toàn cho cấp tiểu học và trung học cơ sở và đang thực hiện miễn học phí ở bậc trung học phổ thông, các bậc chưa được miễn học phí hoàn toàn là bậc mầm non và đại học. Thủ tướng Nhật Bản có cam kết rằng trong kì họp Quốc hội tới sẽ xem xét miễn học phí cho các bậc giáo dục mầm non và đại học. Đây được coi là sự hỗ trợ về tài chính giúp các trường đại học có thêm điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo.

Hai là: tăng cường thu hút sinh viên nước ngoài.

Thống kê về số lượng sinh viên nước ngoài đến Nhật Bản cho thấy 93,3% sinh viên nước ngoài đến từ Châu Á do các trường đại học ở Nhật gần gũi với cư dân Châu Á. Rất nhiều du học sinh khu vực Châu

Á mong muốn ở lại Nhật Bản để tiếp tục lập nghiệp, tuy nhiên những du học sinh này gặp khó khăn trong việc xin cấp thị thực để ở lại quốc gia này. Để tiến hành quốc tế hoá giáo dục đại học thì thu hút sinh viên nước ngoài và giúp sinh viên nước ngoài tìm việc làm là việc Chính phủ Nhật Bản rất quan tâm. Năm 2018, Nhật Bản đã bắt đầu cung cấp thời gian chuyển tiếp một năm cho sinh viên nước ngoài tốt nghiệp ở một số khu vực hạn chế của Nhật Bản. Nhật Bản muốn có một khởi đầu thuận lợi trong việc thu hút các doanh nhân tương lai thông qua thị thực chuyển tiếp mới. Năm 2020, Chính phủ Nhật Bản quyết định cấp thị thực kéo dài đến hai năm cho những sinh viên sắp tốt nghiệp đại học có kế hoạch khởi nghiệp tại nước này, nhằm thu hút nhiều cá nhân tài năng và tham vọng hơn.

Các trường đại học tại Nhật Bản cũng tăng cường sự tham gia trực tuyến và ngoại tuyến với sinh viên nước ngoài để dễ tiếp cận. Theo đó, các văn phòng dịch vụ sinh viên quốc tế hỗ trợ về thủ tục hành chính như bảo hiểm y tế hay mở tài khoản ngân hàng, tích cực chia sẻ thông tin về chương trình đại học bằng tiếng Anh và kinh nghiệm của cựu sinh viên trên phương tiện truyền thông xã hội.

Các trường đại học hay đổi cuộc sống trong khuôn viên trường để thích ứng với nhu cầu của sinh viên quốc tế. Ở Nhật Bản, ký túc xá rất hiếm vì hầu hết sinh viên nước này ở cùng gia đình. Trước đây, sinh viên nước ngoài đến Nhật sẽ phải tìm chỗ ở cho riêng mình, nhưng bắt đầu từ năm 2018 các trường đã tích cực xây dựng các khu ký túc xá phục vụ cho cả sinh viên trong nước và quốc tế.

Các trường đại học đang cải cách chương trình giảng dạy, tăng cường giảng dạy bằng tiếng Anh. Với hy vọng thu hút sinh viên quốc tế đa dạng hơn, các trường đại học tại Nhật Bản đang phát triển nhiều lớp học, khóa học hè và thậm chí chương trình học bằng tiếng Anh. Để thực hiện điều này, nhiều trường đại học hàng đầu tại Nhật Bản như Đại học Meiji ở Tokyo, Đại học Waseda, Đại học Ritsumeikan ở Kyoto... đã bắt đầu đưa ra các chương trình học hoàn toàn bằng tiếng Anh. Với xu hướng toàn cầu hóa này, cơ hội du học Nhật Bản giờ đã mở rộng với cả những người chưa biết tiếng Nhật. Đại học Tokyo hiện có hơn 24 chương trình cấp bằng cho sinh viên đại học và sau đại học được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh này.

Bên cạnh những thay đổi trên, Nhật Bản cũng chú trọng đến việc bổ sung các gói học bổng hỗ trợ học tập. Ngoài các học bổng Chính phủ do Bộ Giáo dục, Văn hóa, Khoa học và Công nghệ Thể thao (MEXT) và Tổ chức JASSO cung cấp, các trường

đại học đang ngày càng tạo ra nhiều học bổng riêng cho sinh viên quốc tế.

Ba là: hỗ trợ sinh viên đi du học ở các nước

Nhật Bản đã triển khai Dự án TOBITATE - Chương trình Đại sứ trẻ (Young Ambassador Program). Đây là dự án sử dụng tiền của các doanh nghiệp tài trợ đưa sinh viên đi du học ở các nước. Điều đó được nảy sinh do xu hướng toàn cầu hóa, khiến cho các doanh nghiệp phải hướng đến việc đào tạo nguồn nhân lực toàn cầu, trong đó du học là một trong những phương thức để thực hiện. Họ lập nên một quỹ để đưa sinh viên Nhật Bản đi du học. Đây cũng được coi là một trong những chính sách thể hiện sự thay đổi và chuyển động của giáo dục đại học Nhật Bản. Vừa tìm kiếm giải pháp thu hút sinh viên nước ngoài, đồng thời đưa sinh viên Nhật Bản đi du học để không ngừng tích hợp với quốc tế trong lĩnh vực giáo dục.

Bốn là: xúc tiến cạnh tranh trong nghiên cứu khoa học

Từ những năm 2000, Nhật Bản có mục ngân sách dành riêng cho việc thúc đẩy nghiên cứu khoa học, thường gọi tắt là kakenhi (kagakukenkuyhi = Khoa học nghiên cứu phí). Ngân sách này nhằm vào mục đích hỗ trợ tổn phí nghiên cứu và công bố thành quả của cá nhân và đoàn thể và được tuyển chọn mỗi năm trên tiêu chuẩn cạnh tranh. Song song với chương trình cải cách giáo dục bậc đại học, từ năm 2006 chính phủ Nhật thực thi một chương trình mới dựa trên mục ngân sách dưới danh hiệu Chấn hưng Khoa học Kỹ thuật: (kagaku gijutsu shinko chousei-hi, Khoa học kỹ thuật chấn hưng điều chỉnh phí). Mục ngân sách mới này nhằm vào mục đích thúc đẩy các chương trình nghiên cứu cộng đồng giữa các cơ quan trong và ngoài nước, nghiên cứu phù hợp với nhu cầu địa phương, khuyến khích hoạt động nghiên cứu trong lớp người trẻ tuổi và nữ giới, v.v. Mục ngân sách mới này đã tạo ra một không khí cạnh tranh nghiên cứu khoa học sôi động tại các trường đại học, các nhà nghiên cứu trong các năm gần đây.

2.2. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Tại Châu Á, Hàn Quốc được đánh giá là một trong các quốc gia có nền giáo dục chất lượng và có thể cạnh tranh mạnh mẽ với các nền giáo dục khác trên toàn thế giới. Một số trường đại học tại Hàn Quốc có vị trí cao trên các bảng xếp hạng về giáo dục như: Đại học Quốc gia Seoul, Chungnam, Chonbuk, Pusan, Sogang, Inha, v.v. Đặc biệt, tiến trình quốc tế hoá giáo dục đại học đã được bắt đầu rất sớm, năm 2004 Dự án Du học Hàn Quốc đã được thành lập để thu hút sinh viên quốc tế bằng

các chương trình học bổng, năm 2007 Quốc hội Hàn Quốc đã thông qua Quy chế hoạt động ngoại khoá giữa các trường đại học trong và ngoài nước, lần đầu tiên các trường đại học Hàn Quốc cung cấp các khoá học liên kết với nước ngoài và trao bằng đại học với một trường đại học nước ngoài. Các tiêu chí được sử dụng để đo lường mức độ quốc tế hóa của một trường đại học tại Hàn Quốc là: (1) Số môn học được dạy bằng tiếng Anh; (2) Số lượng giảng viên quốc tế; (3) Số lượng sinh viên quốc tế; (4) Số thỏa thuận hợp tác đã ký với các trường nước ngoài; (5) Số lượng hội thảo/sinh hoạt học thuật quốc tế do nhà trường tổ chức hàng năm; (6) Ký túc xá cho sinh viên quốc tế; (7) Tài trợ của Chính phủ cho các hoạt động quốc tế [3].

Trong những năm gần đây, với mục tiêu đẩy mạnh quốc tế hóa giáo dục đại học Hàn Quốc, đã có một số giải pháp nổi bật được thực thi. Những kinh nghiệm của Hàn Quốc trong tiến trình quốc tế hoá giáo dục đại học bao gồm: [10]

Một là: cải cách nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

Tiến trình quốc tế hóa giáo dục đại học Hàn Quốc diễn ra trong bối cảnh Chính phủ Hàn Quốc cải tổ Bộ Giáo dục thành Bộ Giáo dục và Phát triển Nguồn nhân lực. Điều này nhấn mạnh vào yếu tố xây dựng nguồn vốn con người cho việc phát triển khoa học - công nghệ bậc cao, phục vụ cho kinh tế quốc gia. Chính phủ thúc đẩy các trường đại học đổi mới và tăng cường quốc tế hóa. Quốc tế hóa giáo dục đại học tại Hàn Quốc gắn chặt với nhu cầu nhân lực kỹ năng cao và chiến lược phát triển của quốc gia.

Tại Hàn Quốc, chương trình đào tạo bậc đại học luôn ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin, tận dụng hiệu quả mạng Internet vào việc học, đây là ưu điểm nổi bật của giáo dục Hàn Quốc. Giáo dục đại học tại Hàn Quốc chú trọng về vấn đề chất lượng thay vì số lượng, do đó, sinh viên quốc tế khi du học tại Hàn Quốc sẽ có khả năng cạnh tranh tốt với các nền giáo dục khác trên toàn thế giới.

Hai là: thực thi nhiều chính sách thu hút sinh viên quốc tế.

- Ưu đãi về học phí: các trường đại học tại Hàn Quốc không quy định khác biệt về mức học phí giữa sinh viên quốc tế với sinh viên có quốc tịch Hàn Quốc. Do vậy, du học sinh khi du học tại Hàn Quốc sẽ được hưởng mức học phí tốt. Chất lượng giáo dục của cả trường đại học công và trường đại học tư thục ở Hàn Quốc đều ở mức cao và đáp ứng rất tốt về các yêu cầu như: trình độ giảng viên, chương trình giáo dục, cơ sở vật chất, điều kiện và cách thức trao bằng,...

- Các chính sách du học, hồ sơ nhập học dành

sinh viên quốc tế tại Hàn Quốc khá rộng mở, chỉ cần đáp ứng được những điều kiện cơ bản như có chứng chỉ tiếng, visa, tài chính... phù hợp là đã có thể du học.

- Hàn Quốc một trong các quốc gia luôn có nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên quốc tế. Nhằm thu hút sự quan tâm của sinh viên quốc tế, Chính phủ Hàn Quốc đã tạo điều kiện giúp du học sinh có cơ hội tìm việc làm thêm ngoài giờ học. Nếu như quốc gia khác sinh viên chỉ được làm thêm tối đa 20 giờ/tuần trong kì học thì du học Hàn Quốc mỗi học sinh được làm thêm lên tới 28 giờ/tuần với mức lương trung bình từ 7 - 9 USD mỗi giờ làm việc. Có thể nói với chính sách này, vấn đề kinh phí khi du học không còn là vấn đề lớn đối với sinh viên.

- Ưu đãi về chỗ ở và di chuyển: tại Hàn Quốc tất cả các trường đại học đều có ký túc xá dành cho sinh viên, đáp ứng hầu hết nhu cầu ở của sinh viên quốc tế. Các phòng ký túc xá đều được xây dựng khang trang, sạch đẹp và rất tiện nghi. Ngoài ra, phương tiện giao thông công cộng tại quốc gia này cũng được đánh giá là có chi phí rất mềm chỉ khoảng 600 won/lần phù hợp với sinh viên và người mới đi làm.

- Hàn Quốc còn hỗ trợ cấp visa cho du học sinh quốc tế bị kẹt không thể trở về nước do bị hạn chế nhập cảnh, hoặc sắp đến thời gian hết hạn visa du học. Theo đó, sinh viên sẽ không cần phải làm các thủ tục, bước làm phức tạp như phỏng vấn tại đại sứ quán, với visa tuyển thẳng du học sinh quốc tế chỉ cần đặt lịch hẹn, nộp mã số visa và đến lấy visa tại Đại sứ quán Hàn Quốc.

2.3. Kinh nghiệm của Singapore

Singapore là quốc gia hàng đầu về chất lượng giáo dục đại học trong khu vực Châu Á. Các trường đại học Công lập của Singapore có chất lượng đào tạo đáng nể, trong đó Đại học Quốc gia Singapore (NUS) và Đại học Công nghệ Nanyang (NTU) luôn có tên trong bảng xếp hạng các trường đại học tốt nhất thế giới. Bên cạnh đó, Singapore còn có hệ thống các Học viện tư thục danh tiếng (khoảng 300 Học viện). Singapore đặt nền giáo dục là yếu tố chủ chốt trong sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Là một quốc gia đa dân tộc, nhưng tiếng Anh lại là ngôn ngữ chính thức ở tất cả các trường đại học tại Singapore [11].

Chính phủ Singapore đã đưa ra nhiều chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế và luôn chủ trương đầu tư nhiều nguồn lực cho hoạt động quốc tế hóa giáo dục đại học. Những dấu ấn đáng kể trong tiến trình quốc tế hoá giáo dục đại học tại Singapore được tổng kết qua những kinh nghiệm sau đây: [12]

Một là: sự liên hệ mật thiết giữa các trường đại học và các doanh nghiệp.

Mối liên hệ mật thiết giữa hệ các trường đại học tại Singapore và các doanh nghiệp tạo cơ hội thực tập và làm việc cho sinh viên trong thời gian đào tạo và sau khi ra trường. Đa số các trường đại học tại Singapore đều có chương trình cho phép sinh viên thực tập tại doanh nghiệp giúp du học sinh tăng cường sự kết nối, đồng thời được làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Hai là: giáo dục đại học.

Các trường đại học tại Singapore đều được xem là trung tâm phát triển Anh ngữ hiệu quả và uy tín với chi phí rất hợp lý. Tại các trường đại học cả công lập và Học viện tư thục tại Singapore hầu hết đều có những khóa tiếng Anh để bồi dưỡng cho những sinh viên chưa đáp ứng đủ yêu cầu tiếng Anh đầu vào chính khóa, hoặc cho những đối tượng muốn nâng cao các kĩ năng tiếng Anh. Việc được đào tạo bằng ngôn ngữ quốc tế giúp sinh viên có cơ hội học nâng cao, việc làm tại nhiều tổ chức quốc tế.

Ba là: thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, sự sáng tạo của sinh viên.

Hệ thống giáo dục đại học Singapore tập trung vào việc khơi dậy và phát triển tài năng tiềm ẩn của sinh viên. Giúp cho mỗi sinh viên phát huy và tự tin hơn vào khả năng của mình. Như tại NUS, các chương trình trao đổi sinh viên, các điểm trường ở nước ngoài và Block 71 - được thành lập bởi NUS Enterprise nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong học tập và giảng dạy là những điểm nổi bật góp phần gia tăng quốc tế hóa của NUS. NUS rất chú trọng việc xây dựng tinh thần khởi nghiệp và thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp của sinh viên. NUS có 10 điểm trường (NUS Overseas Colleges - NOC) tại các quốc gia như: Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Đức, Thụy Sĩ, Israel... Tại các điểm trường này, sinh viên năm thứ 3 sẽ được thực tập tại các công ty khởi nghiệp vào ban ngày và tham gia các khóa học về khởi nghiệp buổi tối tại các trường đại học đối tác. Sang năm thứ tư, sinh viên sẽ quay lại NUS, ở ký túc xá và cùng các sinh viên ở nhiều quốc gia khác nhau thực hiện các ý tưởng kinh doanh. Mỗi năm, NUS có khoảng 350 doanh nghiệp khởi nghiệp từ sinh viên. NUS cũng thường xuyên tổ chức các khóa thực tập, trải nghiệm cho sinh viên thông qua chương trình STEER (Study trips for Engagement and Enrichment), giúp người học làm quen với môi trường kinh tế - văn hóa - xã hội đa dạng tại các khu vực, quốc gia khác nhau.

Bốn là: tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược.

Điều này giúp các trường đại học tham gia tích

cực vào mạng lưới toàn cầu, từ đó có thể cung cấp các chương trình giáo dục, nghiên cứu và kinh doanh toàn cầu đa dạng và phong phú. Các trường đại học chú trọng vào phát triển các kỹ năng mềm suốt đời cho sinh viên thông qua tương tác toàn cầu như các kỹ năng: giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, tính sáng tạo, quản trị nhân lực, cộng tác, trí tuệ cảm xúc, đưa ra quyết định, đàm phán... Với quan điểm cơ hội học tập suốt đời là bình đẳng đối với tất cả mọi người, các trường đại học Singapore cũng cung cấp các khóa học cho các cựu sinh viên đã tốt nghiệp trong vòng 20 năm cũng như xây dựng một số chương trình học tập cho người trưởng thành ở châu Á và các khu vực khác.

3. Bài học cho Việt Nam

Những năm qua, giáo dục đại học Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ nhờ chính sách tự chủ đại học và tăng cường hợp tác quốc tế ngày một sâu rộng. Hiện nay, các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam đã có nhiều chương trình đào tạo chất lượng, được kiểm định quốc tế, đào tạo bằng tiếng Anh và một số ngoại ngữ khác. Tuy nhiên, trong điều kiện thực tế tại Việt Nam hiện nay, quốc tế hoá giáo dục đại học vẫn còn thiếu những tiêu chuẩn nhất định so với các quốc gia phát triển hàng đầu Châu Á như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore. Trình độ phát triển và chất lượng giáo dục, thực trạng giáo dục và chính sách chưa thể so sánh với các quốc gia trên. Ngoài ra đó là việc thiếu các hệ thống hành lang hỗ trợ quốc tế hóa giáo dục và thu hút sinh viên nước ngoài của Việt Nam. Hơn nữa, các hoạt động quốc tế hóa chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực nghề nghiệp có nhu cầu cao, đặc biệt là kinh doanh và kế toán. Cùng với đó, trình độ ngoại ngữ của sinh viên Việt Nam không tốt nên khi tham gia chương trình đào tạo quốc tế cũng gặp rất nhiều trở ngại. Ngoài ra, một rào cản khác kìm hãm sự phát triển chương trình liên kết quốc tế trong các trường đại học Việt Nam là việc tìm được một đối tác nước ngoài có chất lượng và minh bạch để liên kết đào tạo chưa thực sự thuận lợi.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm từ Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore trong quá trình thực hiện quốc tế hoá giáo dục đại học, Việt Nam có thể rút ra những bài học quý báu như sau:

Thứ nhất, về phía Nhà nước

- Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích di chuyển học thuật: sinh viên, học giả, chương trình đào tạo. Các giải pháp có thể thực thi như: chính sách hỗ trợ cấp/gia hạn visa cho lưu học sinh, học giả nước ngoài đến Việt Nam nhằm mục đích học tập, giảng dạy, nghiên cứu; đề ra các chính sách hỗ

trợ, tư vấn việc làm cho sinh viên nước ngoài tốt nghiệp tại Việt Nam, chính sách hỗ trợ tài chính; chính sách xây dựng thêm các khu nhà ở, ký túc tập trung cho sinh viên học giả nước ngoài v.v.. Ngoài ra, Nhà nước cần xây dựng cơ chế khuyến khích hợp tác liên kết thông qua các chương trình chuyển tiếp giáo dục quốc tế.

- Nâng cao chất lượng giáo dục đại học: tạo hành lang pháp lý đẩy mạnh tự chủ đại học, xây dựng cơ chế, chính sách tạo nguồn lực, động lực và môi trường cạnh tranh lành mạnh phát triển giáo dục đại học. Nhà nước có thể phân bổ Ngân sách Nhà nước theo nguyên tắc cạnh tranh chất lượng giữa các trường đại học không phân biệt trường đại học công lập và tư thục, qua đó tạo điều kiện đa dạng hoá hệ thống giáo dục đại học, xúc tiến cạnh tranh trong nghiên cứu khoa học.

- Có chính sách kết nối với các doanh nghiệp đa quốc gia, ngành công nghiệp trong nước với quá trình đào tạo nhằm cung cấp cơ hội việc làm sau tốt nghiệp, thực tập cũng như đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ.

Thứ hai, về phía các trường đại học

- Khuyến khích sự sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp của sinh viên. Các trường đại học cần nâng cao năng lực cho đội ngũ sáng lập của các chương trình và dự án khởi nghiệp với đầy đủ các kiến thức, kỹ năng, được kết nối tới các nguồn lực. Thông qua các hội thảo, diễn đàn, cuộc thi... để lan truyền cảm hứng khởi nghiệp tới sinh viên.

- Gia tăng hợp tác với các doanh nghiệp, đồng thời đầu tư nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học cần có sự kết nối với các đối tác nước ngoài để cùng huy động quỹ, cùng nghiên cứu và cùng công bố quốc tế. Các trường đại học cần có sự kết hợp với các doanh nghiệp ngoài nước để hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

- Thu hút sinh viên quốc tế: các trường đại học cần chú trọng các yếu tố hấp dẫn sinh viên như: cơ hội việc làm sau tốt nghiệp; môi trường học tập chuẩn quốc tế; được hỗ trợ, tư vấn khi cần; được sống trong môi trường an toàn, đa văn hóa, tham gia các hoạt động ngoại khóa; hỗ trợ học bổng; chính sách học phí; hỗ trợ việc làm và có chính sách quan tâm đến sinh viên sau tốt nghiệp.

- Nâng cao trình độ tiếng Anh cho giảng viên và sinh viên, tăng các học phần, các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh. Các trường đại học đầu tư cải tiến chương trình, tăng thêm các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh sẽ là điểm thu hút với các sinh viên quốc tế. □

(Xem tiếp trang 78)

lực lượng thanh niên tri thức, là chủ nhân tương lai của đất nước, chính vì thế, đây sẽ là lực lượng đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu rác thải nhựa dùng một lần và bảo vệ môi trường.

Từ thực trạng đã nêu, bài viết xin đưa ra một số khuyến nghị nhằm giảm thiểu tình trạng sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần:

Trường và các Khoa tổ chức các hoạt động ngoại khóa hoặc các cuộc thi trong sinh viên nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức của sinh viên về sản phẩm nhựa dùng một lần, rác thải nhựa và những tác hại tiêu cực của rác thải nhựa. Tuyên truyền để sinh viên thay thế việc sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần bằng các sản phẩm có thể sử dụng nhiều lần. Ví dụ như thay thế việc sử dụng túi nilon bằng túi giấy, túi vải,... thay thế việc sử dụng nước đóng chai dùng một lần bằng chai thủy tinh hoặc những chai đựng nước có thể sử dụng nhiều lần, thay thế việc sử dụng hộp xốp/hộp nhựa dùng một lần bằng những hộp đựng thức ăn có thể sử dụng nhiều lần.

Hàng năm, Đoàn thanh niên, các câu lạc bộ tổ chức các phong trào, hoạt động vì môi trường, tuyên truyền nâng cao nhận thức của sinh viên về sản phẩm nhựa dùng một lần hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần. Ngoài ra, Đoàn thanh niên cũng có thể phát động các phong trào tái sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần vừa giúp sinh viên tiết kiệm tiền, vừa phát huy khả năng sáng tạo của sinh viên.

Nhà trường lắp đặt các cây nước uống tự động tại các khu vực giảng đường, thư viện phục vụ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên. Bên cạnh đó nhà trường cũng đưa ra các nội quy, quy định với những chế tài xử lý nhằm hạn chế tình trạng sinh viên sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần để đựng đồ ăn, đồ uống mang lên giảng đường.

Phòng Quản lý sinh viên nội trú tuyên truyền để sinh viên sống tại ký túc xá hạn chế mua đồ ăn, đồ uống đựng trong các sản phẩm nhựa dùng một lần vừa giảm được lượng rác thải của khu ký túc xá, vừa hạn chế được lượng rác thải nhựa ra môi trường.

Hơn ai hết, chính bản thân sinh viên phải nâng cao hiểu biết, nhận thức của mình về sản phẩm nhựa dùng một lần bằng cách tích cực tham gia các hoạt động do Trường, Khoa, Đoàn thanh niên, các câu lạc bộ,... tổ chức. Với sự phát triển của công nghệ thông tin, sinh viên cũng có thể tự tìm hiểu về rác thải nhựa dùng một lần trên các phương tiện truyền thông đại chúng và internet. Bên cạnh đó, bản thân mỗi sinh viên cần tự thay đổi thói quen và hành vi sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần cũng đồng nghĩa với việc giảm thiểu rác thải nhựa dùng một lần ra môi trường. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Công Thương (2019), *Chỉ thị Về việc tăng cường các biện pháp giảm thiểu chất thải nhựa trong ngành Công thương số 08/CT-BCT*.
2. Government of Canada (2019), *Loại bỏ rác thải nhựa ở Việt Nam: kế hoạch hành động cho tương lai bền vững*. <https://www.international.gc.ca/world-monde/stories-histoires/2019/vietnam-waste-dechets.aspx?lang=eng>
3. Hoàng Trung Hải (chủ biên, 2020), *Giáo trình Lý thuyết Công tác xã hội, Trường đại học Lao động - xã hội*, Sách lưu hành nội bộ.
4. Nguyễn Thị Thái Lan - Bùi Thị Xuân Mai, *Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình*, Trường Đại học Lao động - xã hội, Sách lưu hành nội bộ.
5. Unep (2018), *Single - use plastics: A Roadmap for Sustainability*, (Rev. ed., pp. vi; 6).
6. Viện nước quốc tế Stockholm (SIWI) (2019), *Phân tích quản lý rác thải nhựa từ-nguồn-tới biển tại lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn*. https://www.siwi.org/wp-content/uploads/2020/06/VGTB-Plastic-Report_VN_FINAL-1.pdf

QUỐC TẾ HOÁ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC...

(Tiếp theo trang 73)

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Thị Thanh Bình (2013), *Giáo dục đào tạo Nhật Bản bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí KHXH Việt Nam 2/2013.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, tập 1.
3. Trần Mai Đồng (2020), *Quan điểm quốc tế hoá giáo dục đại học Việt Nam dựa trên kinh nghiệm quốc tế hoá giáo dục đại học của một số nước trên thế giới*, Tạp chí Công thương 14/2020.
4. Nguyễn Trọng Hoài và các cộng sự (2020), *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đẩy mạnh quốc tế hoá giáo dục Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
5. Quốc hội (2019), *Luật Giáo dục*, Luật số 43/2019/QH14 ban hành ngày 14 tháng 06 năm 2019.
6. Hội đồng lý luận Trung ương (2021), *Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.
7. Đặng Bá Lâm (2019), *Sự phát triển giáo dục đại học tư tại Nhật Bản*, Báo điện tử: Giáo dục và xã hội 01/03/2019.
8. Kight, J. (2004). *Internationalisation remodeled: Definition, approaches and rationales*. Journal of Studies in International Education, 8,5-31
9. Kight, J. (2008). *Higher Education in Turmoil: The Changing World of Internationalisation*. Rotterdam, Netherlands, Sense Publishers.
10. Bui V.G. (2014), *Internationalising higher education from a different angle*, [online] <http://issuu.com/bceastasia/docs/ihe-newsletter-issue-3>.
11. <https://vnu.edu.vn/ttsk/?C2093/N25084/Quoc-te-hoa-Giao-duc-dai-hoc-%E2%80%93Kinh-nghiem-cua-Singapore-va-NUS.htm>.
12. <http://www.singaporeedu.gov.sg>